

Phụ lục 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BCT
ngày 17/01/2026 của Bộ CôngThương)

**DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN DƯƠNG HANH
PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT**

Phiếu an toàn hóa chất	Logo của doanh nghiệp (không bắt buộc)
Khí Ar (Argon)	
Số CAS: 7440 - 37- 1 Số UN: 1006 Số đăng ký EC: 231-147-0 Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):	
I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN NHÀ CUNG CẤP	
- Tên thường gọi của chất: Khí Argon	Mã sản phẩm nếu có
- Tên thương mại: Khí Argon	
- Tên khác (không là tên khoa học): Khí Ar	
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ: DNTN Dương Hanh Đường D3, Lô B3, CCN La Hà, xã Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: DNTN DƯƠNG HANH Đường D3, lô B3, CCN La Hà, xã Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam ĐT: 0903 527 752
- Tên nhà kinh doanh và địa chỉ: DNTN Dương Hanh Đường D3, Lô B3, CCN La Hà, xã Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam	
- Mục đích sử dụng: + Khí phụ trợ cho hàn	
II. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT	
1. Mức xếp loại nguy hiểm: - Phân loại GHS: Loại 2.2 khí nén áp suất cao, không cháy, không độc hại (H280) - Nhãn GHS:  + Từ cảnh báo: Cảnh báo. + Nhãn cảnh báo GHS04. + Cảnh báo nguy cơ: H280-Chứa khí dưới áp suất; có thể nổ nếu gia nhiệt, nồng độ cao có thể gây ngạt. 2. Cảnh báo nguy hiểm : - Cháy, nổ, hoặc độc khi tiếp xúc: Khí trơ ít phản ứng với không khí. - Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng: Rửa tay sạch sẽ sau khi sử dụng, Lưu giữ trong khu vực thông thoáng, khô ráo, mát mẻ, giữ kín thùng, Tránh xa tầm tay trẻ em. 3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng - Đường mắt: gây bỏng lên mắt - Đường thở: Gây kích ứng cho đường hô hấp. Gây mệt mỏi, buồn nôn, khó chịu.	

- Đường da: Gây bỏng da
- Đường tiêu hóa: Không có thông tin

III. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Argon	7440 - 37- 1	Ar	99.9%

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt: Tìm ngay bác sĩ. Rửa nước, cố gắng mở to mắt. Tìm hướng dẫn của bác sĩ.
2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc với da: Tìm ngay bác sĩ. Rửa nhiều nước và xả phòng, thay quần áo và giặt sạch quần áo trước khi sử dụng lại.
3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp: lực lượng cứu hộ không nên cố gắng tiếp xúc nạn nhân mà không có thiết bị bảo hộ cá nhân. Nên đeo thiết bị thở khép kín
 - Đưa nạn nhân về nơi không khí trong lành càng nhanh càng tốt
 - Nếu nạn nhân không thể thở phải tiến hành hô hấp nhân tạo. Chăm sóc y tế, tham khảo ý kiến của bác sĩ
 - Nếu nạn nhân thở khó thì cho thở oxy
4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa: Không nên gây nôn. Uống nhiều nước, không cho người bị nạn uống bất kỳ thức uống gì và đi đến bác sĩ ngay.

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

1. Xếp loại về tính cháy : Khó cháy
2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy:
3. Các tác nhân gây cháy, nổ : Vật liệu gây cháy
4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác: Có thể áp dụng tất cả các biện pháp
5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: Dùng phương tiện và bảo hộ cháy nổ
6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có): không

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ:
 - Sử dụng thông gió đầy đủ, tránh hít phải.
 - Khi bị rò rỉ, phải đóng van nguồn, thổi hệ thống và xả bỏ vào nơi an toàn. Sửa chữa rò rỉ
2. Khi tràn đổ, rò rỉ ở diện rộng:
 - Sơ tán tất cả các nhân viên không cần thiết vào vị trí an toàn.
 - Trang bị bảo hộ cá nhân đầy đủ và bộ bình khí thở
 - Thông gió khu vực, giám sát mức độ cacbon dioxide và oxy ở không khí xung quanh.
 - Khi rò rỉ, đóng van nguồn, thổi hệ thống và xả bỏ vào nơi an toàn. Sửa chữa rò rỉ

VII. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm: Đựng trong bình nén chuyên dụng
2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản: bảo quản nhiệt độ môi trường, để nơi thoáng gió.
Kiểm tra định kỳ về mức độ an toàn của bình chứa, thùng chứa nên để thẳng chống lật đổ, tránh nguồn nhiệt và lửa

VIII. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM, YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết
2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc
 - Bảo vệ đường hô hấp: Phải đeo khẩu trang hoặc bộ máy thở chuyên dụng
 - Bảo vệ mắt: phải mang kính bảo hộ
 - Bảo vệ thân thể; Quần áo bảo hộ cần được lựa chọn tùy vào điều kiện làm việc, tùy thuộc vào nồng độ và mức độ nguy hiểm của hóa chất.
 - Bảo vệ tay; phải mang găng tay khi thao tác
 - Bảo vệ chân: Giày bảo hộ
3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố: Cần thay quần áo sau tiếp xúc hóa chất. Khuyến cáo nên chú ý đặc biệt đến vấn đề không khí thông.

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: chất khí	Điểm sôi: -185,8oC
Màu sắc: Không màu	Điểm nóng chảy: -122,4oC
Mùi: không mùi	Điểm bùng cháy: chưa có thông tin
Áp suất hóa hơi:	Nhiệt độ tự cháy: chưa có thông tin
Tỷ trọng hơi: 0.789	Giới hạn nồng độ cháy nổ trên: không áp dụng
Độ hòa tan trong nước: 1,45g/L (25oC, 1bar)	Giới hạn nồng độ cháy nổ dưới: không áp dụng
Độ pH: không áp dụng	Tỷ lệ hóa hơi: chưa có thông tin
Khối lượng riêng: 39.95g/mol	

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

1. Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...): ổn định dưới điều kiện bình thường.
2. Khả năng phản ứng: khả năng phân hủy ra chất độc hại L Không có

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Argon	Chưa có thông tin	Chưa có thông tin	

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

1. Độc tính với sinh vật

Tên thành phần	Loài sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
Argon			<i>Chưa có thông tin</i>

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học: không phù hợp
- Chỉ số BOD và COD: không phù hợp
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: không phù hợp
- Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: không phù hợp

XIII. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

1. Thông tin quy định tiêu hủy: chưa có thông tin
2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải: chưa có thông tin
3. Biện pháp tiêu hủy: sẽ hóa hơi và tan trong không khí
4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý: chưa có thông tin

XIV. THÔNG TIN VỀ VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Nghị định số 161/2024/NĐ-CP	1006	Argon	2.2	Chai chứa chịu áp lực cao	2.2	
Nghị định số 161/2024/NĐ-CP	1006	Argon	2.2	Chai chứa chịu áp lực cao	2.2	

XV. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới: chưa có thông tin
2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo đăng ký: chưa có thông tin
3. Tuân thủ theo thông tư: 01/2026/TT-BCT và nghị định 161/2024/NĐ-CP

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu: 03-03-2026

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: DNTN Dương Hanh

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.

DNTN DƯƠNG HANH

Dương Hanh